

Đánh giá tăng trưởng kinh tế Việt Nam theo yếu tố đầu vào và đầu ra

DẶNG THUY DUNG*

Mặc dù còn nhiều ý kiến, song GDP vẫn là tiêu chí được thế giới thừa nhận và sử dụng để đo lường, đánh giá mức độ tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, để đánh giá một cách tổng thể mức độ tăng trưởng kinh tế, nhất là đối với Việt Nam, thì cần xem xét dựa trên các yếu tố đầu vào và đầu ra cấu thành. Điều đó giúp xác định vị trí của từng yếu tố để có các giải pháp chính sách phù hợp.

NHÌN TỪ CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO...

Xét trên các yếu tố đầu vào, tăng trưởng của một nền kinh tế dựa chủ yếu vào 3 yếu tố: vốn (K), lao động (L) và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP - Total Factor Productivity). Theo đó, hàm sản xuất có dạng:

$$Y = F(K, L, TFP)$$

Trong đó Y là thu nhập của nền kinh tế (GDP).

Tại mô hình này, tăng trưởng kinh tế được phân thành 2 loại: (1) Tăng trưởng theo chiều rộng: phản ánh tăng trưởng dựa vào tăng quy mô nguồn vốn, số lượng lao động và lượng tài nguyên thiên nhiên được khai thác; (2) Tăng trưởng theo chiều sâu: phản ánh tăng trưởng do tác động của yếu tố TFP.

Nhìn đóng góp của các yếu tố đầu vào trong GDP từ năm 2010 đến năm 2013 trong Bảng có thể rút ra một số nhận xét đáng lưu ý sau:

- Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dựa chủ yếu vào vốn đầu tư. Tỷ lệ này từ năm 2010-2013 mặc dù có xu hướng giảm, tuy nhiên vẫn luôn đạt mức trên 50%.

BẢNG: ĐÓNG GÓP CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO GDP

Đơn vị tính: %

	2010	2011	2012	2013
Đóng góp của L	23,11	26,18	30,86	17,12
Đóng góp của K	68,79	55,53	59,16	55,79
Đóng góp của TFP	8,1	18,29	9,98	27,09
Tỷ lệ GDP	100	100	100	100

Nguồn: Tổng cục Thống kê

- Đóng góp của yếu tố lao động trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trung bình chiếm khoảng 24%. Đây là tỷ lệ không nhỏ, song có một thực tế là trong khi lực lượng lao động không ngừng tăng về số lượng (thống kê mới nhất tính đến thời điểm 01/10/2014 là 54,4 triệu người, tăng 583,2 nghìn người so với cùng thời điểm năm 2013), thì năng suất lao động của Việt Nam chưa được đánh giá cao, rơi vào mức thấp nhất châu Á - Thái Bình Dương. Một nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cho thấy, năng suất lao động của người Singapore cao gấp 15 lần năng suất lao động của người Việt Nam. Thậm chí, năng suất lao động của người Việt Nam chỉ bằng 1/5 so với Malaysia và 2/5 so với Thái Lan (hai quốc gia có thu nhập trung bình khác thuộc khối ASEAN).

- Nếu tính cả sự đóng góp của vốn đầu tư và số lượng lao động, thì hai yếu tố này đã chiếm trên 3/4 vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Điều đó chứng tỏ, sự đóng góp của TFP đối với tăng trưởng kinh tế còn ít và thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Tại Hàn Quốc, đóng góp của yếu tố TFP là 51,32%; Malaysia: 36,18%; Thái Lan: 36,14%; Trung Quốc: 35,19%; Ấn Độ: 31,01%. Như vậy có thể thấy rằng, nền kinh tế Việt Nam hiện vẫn tăng trưởng chủ yếu bằng "lượng", chưa thực sự chuyển sang tăng trưởng về

* ThS., Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | Email: junnydang248@gmail.com

“chất”. Điều này còn được thể hiện rõ qua hệ số ICOR của Việt Nam trong thời gian qua (Biểu đồ).

ICOR của Việt Nam vẫn cao hơn nhiều so với các nước công nghiệp mới. Nếu so sánh với tiêu chí của Ngân hàng Thế giới, ICOR của Việt Nam cao hơn gấp 2 lần, nghĩa là hiệu suất đầu tư chỉ bằng một nửa. Điều đáng nói là ở khu vực đầu tư công, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước có chỉ số ICOR cao hơn nhiều so với khu vực tư nhân.

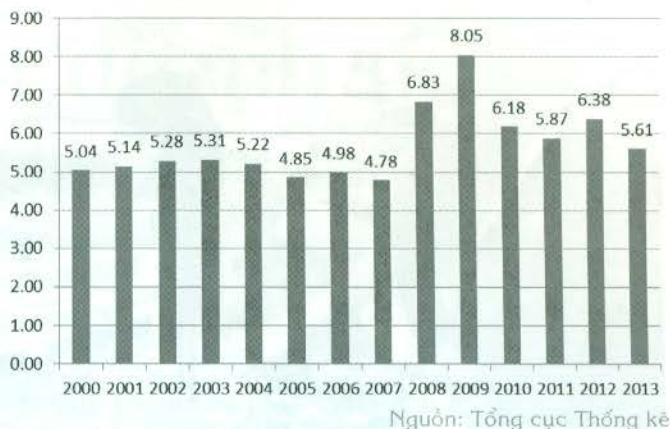
Như vậy, một nền kinh tế tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, mà hiệu quả đầu tư và năng suất lao động thấp, thì nhu cầu đối với tiền tệ, yêu cầu cung tiền luôn luôn cao, nên tăng trưởng kinh tế luôn tạo sức ép làm tăng lạm phát.

...ĐẾN CÁC YẾU TỐ ĐẦU RA

Ở trên phương diện này, tăng trưởng kinh tế được tạo nên bởi sự đóng góp của ba yếu tố: Tiêu dùng cuối cùng; Tích lũy tài sản; Xuất khẩu ròng (xuất khẩu ròng được tính bằng xuất khẩu trừ đi nhập khẩu). Có một số nhận xét được rút ra từ đóng góp của các yếu tố đầu ra đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam, như sau:

Một là, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay chủ yếu do tăng trưởng tiêu dùng cuối cùng. Mặc dù theo đà công nghiệp hóa, tỷ trọng tích lũy trong tổng cầu (tổng cầu gồm tiêu dùng cuối cùng, tích lũy tài sản và xuất khẩu) có xu hướng tăng lên, nhưng tiêu dùng vẫn luôn là thành phần quan trọng nhất trong tổng cầu. Đến nay, tiêu dùng vẫn chiếm hơn 70% GDP trong khi tích lũy chỉ chiếm khoảng 28%. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng tiêu dùng có những biến động khá lớn. Có những giai đoạn tăng trưởng kinh tế nhanh hơn tăng trưởng tiêu dùng dẫn tới cung vượt cầu (năm 2000-2001) và đã phải thực hiện chính sách kích cầu (năm 2002-2003). Kích cầu kéo dài lại dẫn tới cầu vượt cung, gây ra lạm phát cao (năm 2004), buộc phải áp dụng chính sách hạn chế cầu (năm 2005). Cứ thế, chính sách mở rộng - thắt chặt cầu liên tiếp được áp dụng luân phiên với quy mô ngày càng lớn từ năm 2006 đến 2012, làm cho tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và lạm phát đều biến động khá mạnh. Điểm đặc biệt trong suốt thời kỳ này là các chính sách kích cung hầu như không phát huy tác dụng, trong khi chính sách kích cầu có tác dụng

BIỂU ĐỒ: HỆ SỐ ICOR VIỆT NAM QUA CÁC NĂM
ICOR



nhưng lại gây khủng hoảng lạm phát và làm tăng chênh lệch giàu nghèo, phát sinh nhiều bức xúc xã hội.

Tuy nhiên, chính sách trong năm 2013 dường như đã có bước thay đổi ngoạn mục. Với một chính sách hài hòa tăng trưởng cung - cầu đã được nhất quán áp dụng, kết quả là tiêu dùng cuối cùng trong năm 2013 đã tăng 5,36% (theo giá 2010) so với năm 2012, tích lũy tài sản tăng 5,45%. Hai mức tăng này đều tương tự như tốc độ tăng trưởng kinh tế (5,42%), phản ánh một quá trình tăng trưởng cân đối cung - cầu. Trong quá trình đó, tiêu dùng cuối cùng đóng góp tới 3,72 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng GDP, trong khi tích lũy chỉ đóng góp 1,62 điểm phần trăm, tức là tiêu dùng đang trở thành nhân tố cơ bản thúc đẩy tăng trưởng thay cho nhân tố đầu tư.

Hai là, xuất khẩu đã trở thành một trong những nhân tố tạo ra bước phát triển kinh tế nhanh trong thời kỳ đổi mới. Đặc biệt, sau khi ký Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ và tiếp đó Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), điều kiện trao đổi thương mại, thu hút đầu tư đã thuận lợi hơn rất nhiều so với trước. Tốc độ tăng trưởng xuất - nhập khẩu đều tăng lên rất mạnh, khoảng 25% mỗi năm. Đến nay, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều đã gần tương đương với GDP của toàn nền kinh tế, qua đó chiếm vị thế rất quan trọng đối với tăng trưởng chung. Đáng chú ý nhất là kim ngạch xuất khẩu thường xuyên tăng nhanh hơn nhập khẩu, dẫn tới xuất siêu nhẹ trong năm 2012 và duy trì tiếp trong năm 2013 và 2014, xu hướng này là đảo ngược tình thế nhập siêu liên tục kể từ năm 1993.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở nhìn nhận sự đóng góp của các yếu tố trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, tác giả có một số ý kiến sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần kiên trì thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng coi trọng chất lượng. Theo đó, trong dài hạn cần từ bỏ quan điểm phải đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh theo chiều



Tiêu dùng đang trở thành nhân tố cơ bản thúc đẩy tăng trưởng

rộng, tăng trưởng nhờ vốn đầu tư, khai thác tài nguyên thiên nhiên và sức lao động, chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa vào tri thức và công nghệ, đóng góp của TFP...

Thứ hai, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Trước hết, tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ nhằm nâng cao trình độ, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng vốn. Cần đầu tư có trọng tâm để tạo sự bứt phá của một số công nghệ cao có tác động tích cực đến sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế; khuyến khích các tổ chức nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, việc thu hút FDI phải có chọn lọc, có hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy công nghệ trong nước phát triển.

Tiếp theo, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; Đối mới công tác quản lý nhà nước về đầu tư theo hướng loại bỏ tình trạng khép kín, phải tách chức năng quản lý nhà nước với quản lý kinh doanh để tăng cường tính công khai, minh bạch và thực hiện đầu tư có hiệu quả, tránh dàn trải. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và thực hiện quản lý đầu tư theo quy hoạch. Khắc phục tình trạng tiêu cực, lãng phí, thất thoát trong đầu tư thông qua tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quy định về quản lý đầu tư.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, coi đây là nhân tố chính quyết định tốc độ và chất lượng của tăng trưởng kinh tế. Giải pháp trước mắt là nâng cao

trình độ văn hoá và trình độ nhận thức cho người lao động. Từng bước xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dạy nghề hiện có theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Nội dung, chương trình đào tạo, giáo trình của các cơ sở đào tạo cần tăng tính thực tiễn, sát với thực tế Việt Nam, theo kịp tiến bộ khoa học, kỹ thuật trên thế giới, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong nước và thế giới. Bên cạnh đó, cần có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ quản lý thành lập cơ sở giáo dục theo chuẩn quốc tế để đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ tư, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách ban hành phải đồng bộ để thúc đẩy sự phát triển của 5 loại thị trường cơ bản: thị trường hàng hoá, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường khoa học, công nghệ và thị trường bất động sản. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng, hệ thống văn bản pháp luật cũng cần nhanh chóng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các cam kết của Việt Nam với quốc tế. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thọ Đạt (2005). *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*, Nxb Thống kê
2. Tổng cục Thống kê (2014). *Niên giám Thống kê năm 2013*, Nxb Thống kê
3. IMF (2014). *Kinh tế toàn cầu và Việt Nam: Những diễn biến và triển vọng kinh tế vĩ mô*
4. Nguyễn Thị Cành (2009). *Kinh tế Việt Nam qua các chỉ số phát triển và những tác động của quá trình hội nhập*, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, số 219, trang 11-17